TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2024/QĐST-HNGĐ	*Bắc Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lầu Thị S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Mùa A N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lầu Thị S và anh Mùa A N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Chị Lầu Thị S và anh Mùa A N nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị S và anh N có 04 con chung là các cháu Mùa A N1, sinh ngày 11/12/1999 (đã thành niên), cháu Mùa Thị C, sinh ngày 10/6/2001 (đã thành niên), cháu Mùa Xuân H, sinh ngày 12/3/2002 (đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình) và cháu Mùa Xuân D, sinh ngày 13/7/2010.

Chị S và anh N thống nhất giao cháu H cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình và giao cháu D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động); anh N nhận cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị S số tiền là 500.000VNĐ/01 tháng (Năm trăm nghìn đồng/ 01 tháng) tính từ tháng 11 năm 2024 cho đến khi cháu H có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, chị S, anh N được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị S, anh N xác nhận tự thỏa thuận phân chia tài sản, nợ chung vợ chồng; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị Lầu Thị S và anh Mùa A N được miễn án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Bắc Yên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Yên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy